TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST Ngày: 06-6-2023 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn M, Thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 4, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Chị Trần Thị Thanh L trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và Anh Bùi Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2011 tại UBND xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới chị và anh C sinh sống tại

Thôn 4, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình cùng bố mẹ anh C. Chị xác định chị và anh C chỉ sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau. Tháng 6/2013 chị đã cùng hai con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại huyện V, tỉnh Nam Định ở. Chị và anh C ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh C, không thể chung sống được với anh C vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Bùi Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là các cháu: Bùi Đức Lsinh ngày 06/4/2012, cháu Bùi Đức A, sinh ngày 10/10/2013, cả hai cháu ở với chị từ khi anh chị ly thân. Nguyện vọng của chị nếu ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu vì hai cháu ở với chị ổn định từ năm 2013 cho đến nay và đang theo học tại Trường Tiểu học Thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Anh Bùi Văn C thể hiện tại Bản tự khai ngày 13/02/2023, biên bản phiên họp và hòa giải: Anh xác nhận về thời điểm kết hôn và chung sống như chị Ltrình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh xác định là do anh và chị Lbất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2013 chị Lđã cùng hai con nhỏ bỏ về quê chị Ltại Vụ Bản, Nam Định sinh sống, anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị Lxin ly hôn với anh thì anh cũng hoàn toàn nhất trí vì anh cũng không còn tình cảm với chị Loan.

Về con chung: Anh xác định giữa anh và chị Lcó 02 con chung là các cháu: Bùi Đức Lsinh ngày 06/4/2012, cháu Bùi Đức A, sinh ngày 10/10/2013, cả hai cháu hiện đang ở với chị Loan. Tuy nhiên nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị Lthì anh xin nuôi cả hai cháu không yêu cầu chị Lcấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không có yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2023: Cháu Bùi Đức Lvà Bùi Đức A có ý kiến: Các cháu hiện nay đang ở với mẹ và ông bà ngoại tại Nam Định. Các cháu mong muốn tiếp tục được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn, vì các cháu đã sinh sống và học tập ổn định tại Nam Định nhiều năm nay.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/5/2023 giữa Tòa án nhân dân huyện N và Ủy ban nhân dân xã Gi, kết quả như sau: Anh C và chị Lkết hôn trên cơ sở tự nguyện đúng pháp luật, có thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Gi. Anh C và chị Lđã ly thân từ năm 2013 nguyên nhân do mâu thuẫn vợ

chồng. Chị Lvà hai cháu nhỏ về huyện V, Nam Định sinh sống từ năm 2013. Hiện nay anh C là lao động tự do tại địa phương.

Tại phiên tòa: Chị Lvẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh C và xin nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên chị Lkhông yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nếu anh C tự nguyện cấp dưỡng là quyền của anh C. Anh C có ý kiến hiện nay anh làm lái xe, anh thường lái ban đêm ngày nghỉ, tuy bố mẹ anh cao tuổi nhưng nếu được nuôi con thì anh sẽ làm công việc khác để chăm sóc các cháu. Anh vẫn giữ quan điểm đồng ý ly hôn và xin nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị Lcấp dưỡng nuôi con chung cùng anh..

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Thanh L. Xử ly hôn giữa Chị Trần Thị Thanh L và Anh Bùi Văn C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Bùi Đức L sinh ngày 06/4/2012, cháu Bùi Đức A, sinh ngày 10/10/2013 cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được cuộc sống. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

3. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị Thanh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lvà anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của chị Lvà anh C thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân thời gian dài (từ năm 2013 cho đến nay), không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lvới anh C là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lvà anh C có 02 con chung là các cháu Bùi Đức Lsinh ngày 06/4/2012, cháu Bùi Đức A, sinh ngày 10/10/2013, cả hai cháu ở với chị Loan. Cả chị Lvà anh C đều có nguyện vọng nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu An và cháu Long ở với chị Ltừ

nhỏ, các cháu sinh sống và học tập ổn định tại Thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định từ năm 2013 cho đến nay. Xét chị Lkhỏe mạnh, có thu nhập, bên cạnh đó lại có sự giúp đỡ của bố mẹ chị Ltrong việc nuôi dậy các cháu. Mặt khác cả hai cháu đều có nguyện vọng tiếp tục ở với chị Loan. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích cũng như sự ổn định cho các cháu nên tiếp tục giao các cháu Bùi Đức Lsinh ngày 06/4/2012, cháu Bùi Đức A, sinh ngày 10/10/2013 cho chị Ltiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lkhông yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh L phải chịu theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Thanh L. Xử ly hôn giữa Chị Trần Thị Thanh L và Anh Bùi Văn C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Bùi Đức Lsinh ngày 06/4/2012, cháu Bùi Đức A, sinh ngày 10/10/2013, cả hai cháu hiện đang ở với chị Loan, cho chị Ltiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các chảu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Bùi Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Loan.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh L phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lđã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003791 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Gi;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH